

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày: 12-01-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Ông Mai Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 333/2017/TLST - HS, ngày 07 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2017/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh H - Sinh ngày 15/8/1982, tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T và con bà: Nguyễn Thị Tuyết H; Bị cáo có vợ là Trần Thị Diễm P; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/3/2017 - Có mặt.

- Người bị hại:

1. Nguyễn Cẩm T - Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Nguyễn Thị Diễm P - Sinh năm: 1982 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường M, phường T, thành phố B, Đắk Lắk.

3. H'N Niê - Sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Nguyễn Thị Minh H - Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. Mai Hồng N - Sinh ngày: 27/9/2000 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Mai Hồng N: Chị Giang Lệ Q – Sinh năm: 1972 (mẹ đẻ của cháu Mai Hồng N) (Có mặt)

Cư trú tại: Đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Quốc T - Sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Trần Ngọc D - Sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Lê Hoàng D - Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố S, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ngô Văn H - Sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Trần Thị Dung N - Sinh năm: 1996 (Có mặt)

Cư trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Trần Thị Diễm P - Sinh năm: 1987 (Có mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2017 đến cuối tháng 3/2017, Nguyễn Thanh H đã 5 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của nhiều người dân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, khoảng 15 giờ ngày 26/01/2017, Nguyễn Thanh H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 đi đến Cây xăng dầu số 14, địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, thì thấy chị Nguyễn Cẩm T đang đứng đếm tiền trong khuôn viên Cây xăng, H điều khiển xe mô tô đi vào trong khuôn viên Cây xăng, tiếp cận từ phía sau bên tay phải chị T, và dùng tay trái giật số tiền 3.000.000 đồng trên tay chị T.

Lần thứ hai, vào khoảng 18 giờ ngày 17/3/2017, Nguyễn Thanh H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254, đi vào đường nội bộ trong Siêu thị CoopMart, địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, để cướp giật tài sản. Tại đây, H thấy chị Nguyễn Thị Diễm P đang đẩy xe hàng từ trong Siêu thị đi ra, trên xe đẩy hàng có để 01 chiếc ví da. H liền đến gần và giật lấy chiếc ví da của chị P, chiếc ví da nữ màu đen trị giá 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng), bên trong ví có số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1, màu vàng, số Imei: 869125026636055 trị giá 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng); 01 chiếc chìa khóa điện xe ô tô hiệu Toyota ForTuner, cùng giấy tờ tùy thân của chị P. Sau đó H mang điện thoại di động hiệu Oppo F1, cướp được của chị P đến tiệm điện thoại Q, địa chỉ: Đường L, thành phố B, bán cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba, khoảng 10 giờ ngày 18/3/2017, Nguyễn Thanh H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 đi đến khu vực Cây xăng dầu Quân đội, địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, Thấy chị H'N Niê đang đứng đổ xăng trên tay cầm 01 chiếc túi xách. Hải giật chiếc túi xách da màu đỏ của chị H'N Niê, chiếc túi xách trị giá: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng), bên trong túi xách có số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng) và một số đồ trang điểm.

Lần thứ tư, khoảng 14 giờ ngày 18/3/2017, Nguyễn Thanh H điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 đi tìm kiếm người dân có tài sản để cướp giật. Trên đường đi H thấy chị Nguyễn Thị Minh H ngồi sau xe mô tô biển số 47D1- 142.66, do chị Nguyễn Thị Hoa Q (là em gái của chị H), đang điều khiển xe lưu thông trên đường L, thành phố B. H liền điều khiển xe mô tô đi theo chị H và chị H. Khi chị H và chị H đi vào khu vực để xe trong “Làng cà phê Trung Nguyên”, địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, lúc này, chị H để chiếc túi xách trên yên của chiếc xe mô tô biển số 47D1- 142.66, H liền dùng tay giật lấy chiếc túi xách của chị H, chiếc túi xách trị giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng), bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng, trị giá: 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng); 01 ví da nữ màu đỏ trị giá: 30.000 đồng (ba mươi ngàn đồng), bên trong ví có số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) và một số giấy tờ cá nhân của chị H. H mang chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng, vừa cướp giật được của chị H đến bán cho một tiệm điện thoại trên đường L, thành phố B, lấy số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), H không nhớ địa điểm cụ thể nơi bán điện thoại.

Lần thứ năm, khoảng 14 giờ ngày 25/3/2017, Nguyễn Thanh H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 đi vào khu vực đường nội bộ trong Siêu thị CoopMart, địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, để cướp giật. Tại đây, H thấy chị Mai Hồng N đang đứng cạnh chiếc xe máy hiệu Angela, biển số 47AB - 066.35, trên yên chiếc xe máy có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, trị giá 9.200.000 đồng (Chín triệu hai

trăm ngàn đồng). H giật lấy điện thoại của chị N rồi điều khiển xe mô tô chạy thoát, sau đó H mang điện thoại đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ: Đường Y M, phường T, thành phố B, cầm cố cho anh Trần Ngọc D lấy số tiền: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng trị giá tài sản 05 lần bị cáo cướp giật là 38.080.000 đồng

Tại bản cáo trạng số: 01/KSĐT-HS ngày 06/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh H và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh H theo bản cáo trạng số 01/KSĐT-HS ngày 06/12/2017 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trả: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, số Imei: 355325080382007, cho chị Mai Hồng N và trả: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 và giấy đăng ký xe mô tô cho chị Trần Thị Dung N là các chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng. Chấp nhận chị Trần Thị Diễm P là vợ của bị cáo Nguyễn Thanh H, đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 3.880.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng). Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Diễm P không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường chiếc chìa khóa điện xe ô tô hiệu Toyota ForTuner và chi phí làm lại giấy tờ tùy thân của chị P. Chấp nhận việc anh Trần Ngọc D không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), là tiền anh D đã đưa cho H khi nhận cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường cho chị Nguyễn Cẩm T số tiền: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Diễm P, số tiền 18.770.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng); bồi thường cho chị H’N Niê, số tiền 3.230.000 đồng (ba triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng). Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm ngàn đồng), là tiền do bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội mà có. Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thanh H: 01 giấy phép lái xe; 01 Chứng minh nhân dân; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu đen, số Imei: 013346000411712; 01 chiếc bóp da màu vàng, kích thước (10 x 10)cm, để bảo đảm công tác thi hành án.

Tại phiên tòa các bị hại Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Diễm P, Mai Hồng N thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng và các bị hại yêu cầu bị cáo bồi

thường thiệt hại, trị giá tài sản mà bị cáo đã cướp của các bị hại. Chị Nguyễn Cẩm T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); chị Nguyễn Thị Diễm P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.770.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng); cháu Mai Hồng N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Về hình phạt đối với bị cáo, các bị hại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Dung N khai đã cho vợ bị cáo là Trần Thị Diễm P mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H2-5254. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe của chị N để làm phương tiện phạm tội chị N không biết và hiện nay chị N đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trao trả lại xe mô tô nói trên, chị N đã nhận sử dụng và không có yêu cầu hay ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại Nguyễn Cẩm T, Nguyễn Thị Diễm P, H'N Niê, Nguyễn Thị Minh H, Mai Hồng N phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến cuối tháng 3 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện 05 lần cướp giật tài sản của các bị hại Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Diễm P, H'N Niê, Nguyễn Thị Minh H và Mai Hồng N. Tổng trị giá tài sản bị cáo cướp giật là 38.080.000 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thanh H còn khai nhận trong khoảng thời gian tháng 3/2017, bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người dân trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tổng số tiền bị cáo cướp giật là 3.910.000 đồng. Trong bốn lần này không xác định được các bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi nội dung vụ án, để tiếp tục xác minh xử lý sau.

Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã cố ý liên tiếp nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của nhiều bị hại. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đều sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị cáo làm nghề thợ xây nhưng bị cáo nghỉ làm và đã đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện rõ có tính chất chuyên nghiệp và bị cáo sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện một cách táo bạo và liều lĩnh. Như vậy, có căn cứ xác định hành vi nêu trên của bị cáo là phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 136 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a).....;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;''

[2] Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, lười lao động chỉ muốn hưởng lợi từ tài sản của người khác nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của nhiều người bị hại trong một khoảng thời gian ngắn. Do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh và buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định, nhằm phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 3.880.000đồng, chị H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án còn có anh Nguyễn Quốc T, Trần Ngọc D là những người nhận cầm cố và mua điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không xử lý đối với anh Nguyễn Quốc T, Trần Ngọc D là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra bị hại chị H'N Niê yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.230.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) và tại phiên tòa các bị hại Nguyễn Cẩm T, Nguyễn Thị Diễm P đều yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại là chính đáng nên buộc bị cáo phải bồi thường

Gia đình bị cáo đã bồi thường cho Nguyễn Thị Minh H số tiền 3.880.000 đồng, tại cơ quan điều tra chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, cháu Mai Hồng N không yêu cầu bị bồi thường gì, anh Trần Ngọc D không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000đồng, chị P không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc chìa khóa điện xe ô tô hiệu Toyota ForTuner và chi phí làm lại giấy tờ tùy thân của chị P do đó không đặt ra để giải quyết .

[4] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trao trả: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, số Imei: 355325080382007, cho cháu Mai Hồng N; Trao trả: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 48H2 - 5254 và giấy đăng ký xe mô tô cho chị Trần Thị Dung N là các chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng và không có yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng anh Trần Ngọc D không yêu cầu bị cáo bồi thường, đây là tiền được lợi do phạm tội mà có. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai khi công an bắt giữ, có thu giữ số tiền 9.200.000 đồng, trong số tiền này có 1.500.000 đồng là tiền bị cáo cầm cố cho anh Trần Ngọc D chiếc điện thoại Iphone 7 của cháu Mai Hồng N nên không truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với số tiền 9.200.000 đồng, khi Cơ quan Công an bắt giữ đã thu giữ của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo khai số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân mang tên bị cáo nên tuyên trả cho bị cáo sau khi bị cáo mãn hạn tù.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu đen, số Imei: 013346000411712; 01 chiếc bóp da màu vàng, kích thước (10 x 10)cm, là tài sản của bị cáo nên tuyên trả cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án

[5] Hành vi của Điều tra viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Hành vi của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội: “Cướp giật tài sản”

- Áp dụng b, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/3/2017

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường cho chị Nguyễn Cẩm T số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Diễm P, số tiền 18.770.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng); bồi thường cho chị H'N Niê, số tiền 3.230.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng) là tiền do bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội mà có.

Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Thanh H: 01 giấy phép lái xe; 01 Chứng minh nhân dân cho bị cáo Nguyễn Thanh H sau khi bị cáo mãn hạn tù.

Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Thanh H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu đen, số Imei: 013346000411712; 01 chiếc bóp da màu vàng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.250.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh, Công an TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

